

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 10  
TỪ NGÀY 4/10 ĐẾN 16/10

TUẦN	TIẾT	BÀI HỌC	NỘI DUNG
5 ( từ 4/10- 8/10).	9	<b>BÀI 9: TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT</b>	<b>NỘI DUNG BÀI HỌC</b> <b>2. Quá trình bóc mòn</b> - Khái niệm: là quá trình dưới các tác nhân ngoại lực làm chuyển dời các sản phẩm phong hoá rời khỏi vị trí ban đầu. - Gồm các quá trình : xâm thực, thổi mòn, mài mòn. + Địa hình xâm thực do nước chảy tạo thành: rãnh nông, khe rãnh, thung lũng sông. + Địa hình thổi mòn do gió tạo thành: nấm đá, bề mặt đá rỗ tổ ong. + Địa hình mài mòn do sóng biển tạo thành: hàm ech, bậc thềm sóng vỗ, vách biển. + Địa hình xâm thực do băng hà tạo thành: phi ô, cao nguyên băng hà. <b>3. Quá trình vận chuyển</b> - Vận chuyển : quá trình di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác. - Khoảng cách vận chuyển phụ thuộc vào: + Động năng của quá trình. + Kích thước và trọng lượng của vật liệu. <b>4. Quá trình bồi tụ</b> Bồi tụ : quá trình tích tụ các vật liệu bị phá hủy. Kết quả tạo ra các dạng địa hình bồi tụ.  <b>III. LUYỆN TẬP - CÙNG CỐ</b> Câu 1: Địa hình do nước chảy trên bề mặt tạo thành các rãnh nông, các khe ranh xói mòn , các thung lũng sông suối ,.. được gọi là A. địa hình thổi mòn. B. địa hình khoét mòn. C. địa hình mài mòn. D. địa hình xâm thực.

			<p>Câu 2: Tác động của ngoại lực, một chu trình hoàn chỉnh nhìn chung diễn ra tuần tự theo các quá trình như sau</p> <p>A. phong hóa – vận chuyển – bóc mòn – bồi tụ.  B. phong hóa – bồi tụ - bóc mòn – vận chuyển.  C. phong hóa – bóc mòn – vận chuyển – bồi tụ.  D. phong hóa – bóc mòn – bồi tụ - vận chuyển.</p> <p>Câu 3: Các vật liệu do dòng chảy (sông) vận chuyển đã bồi tụ nên</p> <p>A. các đồng bằng châu thổ rộng lớn.  B. các bãi triều rộng lớn.  C. các bán bình nguyên thoải, bằng phẳng.  D. các bãi bồi ven biển phẳng, rộng.</p> <p>Câu 4: Biểu hiện nào dưới đây không phụ thuộc quá trình vận chuyển do ngoại lực:</p> <p>A. Gió cuốn các hạt cát đi xa.  B. Dòng sông vận chuyển phù sa.  C. Dung nham phun ra từ miệng núi lửa khi núi lửa hoạt động.  D. Hiện tượng trượt đất xảy ra ở miền núi sau những trận mưa lớn.</p> <p>Câu 5: Tại sao lại có dạng địa hình xâm thực nằm đá độc đáo trên thế giới?</p> <p>A. Gió.                      B. Nhiệt độ.                      C. Sóng biển.                      D. Nước</p> <p><b>IV. CÂU HỎI THẮC MẮC</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
10		<p><b>BÀI 10:  THỰC  HÀNH  NHẬN  XÉT VỀ  SỰ PHÂN  BỐ CÁC  VÀNH ĐAI  ĐỘNG  ĐẤT</b></p>	<p><b>I. NỘI DUNG BÀI HỌC</b></p> <p><b>1. Xác định các vành đai động đất, núi lửa các vùng núi trẻ trên bản đồ</b></p> <p><b>1.1</b> Các vành có núi lửa, động đất.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vành đai lửa Thái Bình Dương</li> <li>- Khu vực Địa Trung Hải</li> <li>- Khu vực Đông Phi</li> </ul> <p><b>1.2</b> Các vùng núi trẻ tiêu biểu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Himalaya - Châu Á</li> <li>- Coodie, Andet - Châu Mỹ</li> </ul>

		<p><b>NÚI LỬA VÀ CÁC VÙNG NÚI TRẺ TRÊN BẢN ĐỒ</b></p>	<p>- An-pơ, Cap-ca - Châu Âu</p> <p><b>2. Nhận xét</b></p> <p>- Sự phân bố các vành đai núi lửa, động đất, các vành đai núi trẻ thường trùng khớp với nhau.</p> <p>- Các vành đai động đất, núi lửa, các vùng núi trẻ thường nằm ở các vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo của thạch quyển.</p> <p>- Nguyên nhân: Khi các mảng kiến tạo dịch chuyển xô chò vào nhau hoặc tách xa nhau thì tại vùng tiếp xúc giữa chúng sẽ là nơi xảy ra các hiện tượng động đất, núi lửa, các hoạt động tạo núi.</p> <p><b>III. LUYỆN TẬP - CÙNG CÓ</b></p> <p><b>Câu 1.</b> Dựa vào hình 7.3 và nội dung SGK, hãy nêu tên các mảng kiến tạo lớn của thạch quyển</p> <p>1 ..... 5.....</p> <p>2 ..... 6.....</p> <p>3 ..... 7.....</p> <p>4 .....</p> <p><b>Câu 2.</b> Dựa vào hình 10 (tr.38 SGK), kết hợp với hình 7.3 (tr. 27 SGK), hãy cho biết</p> <p>a. Động đất và núi lửa thường xảy ra ở những khu vực nào trên Trái Đất ?</p> <p>.....</p> <p>b. Các vùng núi trẻ thường phân bố chủ yếu ở những khu vực nào trên Trái Đất ?</p> <p>.....</p> <p><b>III. CÂU HỎI THẮC MẮC</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>6. ( từ 11/10-15/10).</p>	<p>11</p>	<p><b>BÀI 11: KHÍ QUYỂN. SỰ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ</b></p>	<p><b>I. NỘI DUNG BÀI HỌC</b></p> <p><b><u>I. Khí quyển</u></b></p> <p>- Gồm các chất khí như nitơ (78%) oxi (21%), các khí khác (3%) và hơi nước, bụi, tro...</p> <p><b>1. Các khối khí</b></p> <p>- Mỗi bán cầu có 4 khối khí chính:</p> <p>+ Khối khí địa cực, tính chất rất lạnh</p> <div style="text-align: right; margin-top: 10px;"> <span style="border: 1px solid black; padding: 2px 10px;">Frông địa cực (FA)</span> </div>

**TRÊN  
TRÁI ĐẤT**

+ Khối khí ôn đới tính chất lạnh

+ Khối khí chí tuyến, tính chất rất nóng

+ Khối khí xích đạo, tính chất nóng, ẩm

Frông ôn đới (FP).

Dải hội tụ nhiệt đới

**2. Frông**

- Là mặt tiếp xúc giữa hai khối khí tính chất vật lý khác nhau.

- Mỗi bán cầu có hai frông cơ bản:

+ Frông địa cực

+ Frông ôn đới

+ Dải hội tụ nhiệt đới: là mặt ngăn cách giữa 2 khối khí nóng ẩm, có hướng gió khác nhau. Dải hội tụ nhiệt đới chung cho cả hai bán cầu.

- Nơi frông và dải hội tụ nhiệt đới đi qua có sự biến đổi thời tiết đột ngột, thường gây mưa.

**II. Sự phân bố của nhiệt độ không khí trên Trái Đất**

**1. Bức xạ và nhiệt độ không khí**

- Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là bức xạ Mặt Trời.

- Góc chiếu của tia bức xạ Mặt trời càng lớn, lượng nhiệt thu được càng lớn và ngược lại.

**2.. Sự phân bố nhiệt độ không khí**

**a. Phân bố theo địa lí:**

- Từ xích đạo về cực (từ vĩ độ thấp đến vĩ độ cao)

+ Nhiệt độ giảm dần

+ Biên độ nhiệt năm tăng dần

**b. Phân bố theo lục địa và đại dương:**

- Nhiệt độ cao nhất và thấp nhất đều nằm trên lục địa

- Đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ, lục địa có biên độ nhiệt lớn.

**c. Phân bố theo địa hình:**

- Càng lên cao nhiệt độ càng giảm, lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,6<sup>0</sup>C

- Nhiệt độ không khí thay đổi theo độ dốc và hướng phơi của sườn núi.

**III. LUYỆN TẬP - CÙNG CỐ**

**Câu 1:** Khối khí có đặc điểm rất nóng là

A. Khối khí cực.

B. Khối khí ôn đới

C. Khối khí chí tuyến.

D. Khối khí xích đạo.

**Câu 2:** Khối khí có đặc điểm "lạnh" là



- Hướng : Đông Bắc (BBC), Đông Nam (NBC).
- Tính chất : Khô, ít mưa.
- 3. Gió mùa:**
- Khái niệm: Là loại gió thổi theo mùa. Hướng gió của 2 mùa ngược hướng nhau.  
Tính chất khác nhau.
- Thường có ở đới nóng (An Độ, Đông Nam Á...) và phía đông của các lục địa lên thuộc vĩ độ trung bình như Đông Nam Á, Đông Nam, Hoa Kỳ ...
- Có 2 loại:
  - + Gió mùa hình thành do sự chênh lệch nhiều về nhiệt và khí áp giữa lục địa và đại dương rộng lớn.
  - + Gió mùa được hình thành do chênh lệch về nhiệt và khí áp giữa bán cầu Bắc và bán cầu Nam (vùng nhiệt đới).
- 4. Gió địa phương**
- a. Gió đất, gió biển**
- Hình thành ở vùng bờ biển.
- Thay đổi hướng theo ngày và đêm.
- Ban ngày, gió thổi từ biển vào đất liền
- Ban đêm, gió thổi từ đất liền ra biển.
- b. Gió fơn :** - Là loại gió thổi ở vùng núi.
  - Gió bị biến tính khi vượt qua núi trở nên khô và nóng

#### IV. CÂU HỎI THẮC MẮC

.....

.....

.....

.....